

Phụ lục 01:

DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

TT	Tên tài sản
I	Cổ vật
1	Trống đồng Hữu Chung
2	Tượng phật bà Quan Âm
3	Thạp gốm thời Trần
4	Thống sành tráng men
5	Đĩa (vẽ chim phượng hoàng)
6	Đĩa (vẽ ngựa phi)
7	Đĩa (vẽ chim)
8	Kendy
9	Ấm hình gà
10	Bình tỳ bà
11	Ấm
12	Hộp 3 ngăn
13	Ấm hai bầu
14	Ấm (hình song phượng)
15	Ấu
16	Đĩa (men ngọc)
17	Bát (vẽ hoa cúc)
18	Bát (khắc hoa cúc, sen, mai)
II	Hiện vật trưng bày trong bảo tàng
1	Máy bơm nước HS 200 - 22
2	Bình thiên nga (S1) (men trắng vẽ lam)
3	Bình thiên nga (vẽ vàng kim)
4	Bình thiên phúc (S1)
5	Bình phượng hoàng (S1)
6	Bình phượng hoàng (vẽ vàng kim)
7	Độc bình/Lục bình/Lộc bình
8	Bình tỳ bà
9	Bình gốm hoa lam
III	Lăng tẩm
1	Lăng mộ Đỗ Quang - thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc
2	Lăng mộ Nguyễn Chế Nghĩa- thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc
3	Lăng mộ bà Bồi Lạng - xã Bình Lăng, huyện Tứ Kỳ

4	Lăng mộ Vũ Hồn - Mộ Trạch, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang
IV	Di tích lịch sử được nhà nước xếp hạng
1	Di tích Côn Sơn- Kiếp Bạc tại TP Chí Linh
2	Quần thể An phủ, Kính Chủ, Nhâm Dương tại Thị xã Kinh Môn
3	Khu di tích đền Xưa, chùa Giám, đền Bia thuộc huyện Cẩm Giàng
4	Khu di tích Văn Miếu- Mao Điền tại huyện Cẩm Giàng

Phụ lục 02:
DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ
TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

STT	Danh mục	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)
I	Quyền tác giả		
1	Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa	50	2
2	Tác phẩm nghệ thuật	50	2
3	Tác phẩm báo chí	50	2
4	Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật	50	2
5	Tác phẩm nhiếp ảnh	50	2
6	Tác phẩm kiến trúc	50	2
II	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Bằng sáng chế	20	5
2	Chứng nhận kiểu dáng công nghiệp độc quyền	10	10
3	Chứng nhận, đăng ký nhãn hiệu độc quyền	20	5
III	Quyền đối với giống cây trồng		
1	Quyền bảo hộ đối với giống cây trồng thân gỗ	25	4
2	Quyền bảo hộ đối với giống cây trồng khác	20	5
IV	Phần mềm ứng dụng		
1	Hệ thống Cơ sở dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo ngành, lĩnh vực quản lý	5	20
2	Phần mềm kế toán các loại	5	20
3	Phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan, tổ chức, đơn vị	5	20
4	Phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị	5	20
5	Phần mềm ứng dụng khác	5	20

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG